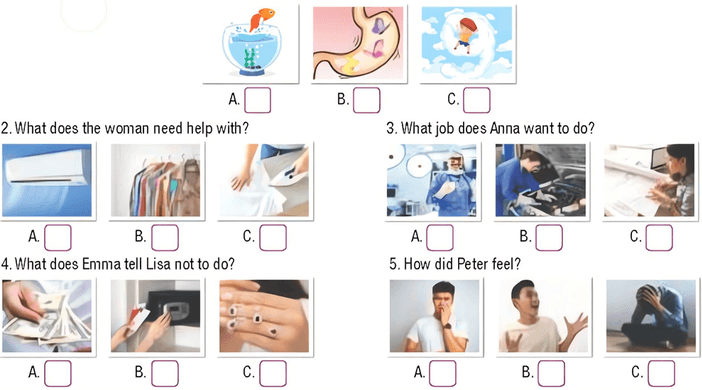
# Review 1

**Giải Tiếng Anh lớp 12 Review 1 - ILearn Smart World**  
**Listening (trang 37 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**You will hear five short conversations. You will hear each conversation twice. There is one question for each conversation. For each question, choose the correct answer (A, B, or C).** (Bạn sẽ nghe năm đoạn hội thoại ngắn. Bạn sẽ nghe mỗi cuộc trò chuyện hai lần. Có một câu hỏi cho mỗi cuộc trò chuyện. Với mỗi câu hỏi, hãy chọn câu trả lời đúng (A, B hoặc C).)  
  
CD1-47  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. A  
  
  
2. B  
  
  
3. A  
  
  
4. C  
  
  
5. B  
  
  
  
  
**Nội dung bài nghe:**  
1.  
Mary: Hey, John, what did you do over the weekend?  
John: Hi, Mary. I went to a party with my cousin.  
Mary: Cool. Did you have fun?  
John: No, not at all. My cousin was nervous. So he asked me to go with him.  
Mary: So…  
John: He just hung out with his friends. I didn't know anyone there and felt like a fish out of water.  
Mary: Oh, I'm sorry to hear that.  
2.  
Guest: Excuse me.  
Hotel employee: Yes, ma'am. Is the AC working okay?  
Guest: Yes, it is. Thank you for your help, earlier. I was wondering if you know a place where I can get my coat cleaned.  
Hotel employee: You can wash and iron your clothes here. Just give them to me. If you need dry cleaning, there's a dry cleaner just down the road. Turn left when you get out of the hotel. It's at the corner.  
Guest: Great, thanks. This coat has to be dry cleaned.  
3.  
Anna: Do you know what job you want to do in the future, Jeff?  
Jeff: I want to be an architect. What about you?  
Anna: I'm thinking of becoming a surgeon. But I'm worried that I wouldn't like working long hours.  
Jeff: Right, it’s a hard job and you need to be really motivated.  
4.  
Lisa: Hey, Emma, you've been to Cambodia, right?  
Emma: Yes. Are you travelling there?  
Lisa: Yeah, next month. Is there anything I should know?  
Emma: Bring cash with you because most places don't accept credit cards.  
Lisa: Is it safe there?  
Emma: Yes. It's generally safe, but like many other places, someone might snatch your bag or jewelry. So don't wear expensive jewelry.  
Emma: Thanks.  
5.  
Linda: Hello, Peter. Oh, you have a new watch.  
Peter: Hi, Linda. My parents bought it for me.  
Linda: Cool. Was it your birthday gift?  
Peter: No. They bought it while we were just shopping at the mall last week. I was so amazed.  
Linda: Lucky you.  
Linda: I think it's because my brother was a little bit depressed and my parents wanted to cheer him up. They got him his favorite watch and bought me one too.  
**Hướng dẫn dịch:**  
1.  
Mary: Này, John, cuối tuần qua bạn đã làm gì?  
John: Chào Mary. Tôi đã đi dự một bữa tiệc với anh họ của tôi.  
Mary: Tuyệt vời. Bạn có vui không?  
John: Không, không vui chút nào. Anh họ tôi đã rất lo lắng. Thế là anh ấy rủ tôi đi cùng.  
Mary: Vậy nên …  
John: Anh ấy đi chơi với bạn bè. Tôi không biết ai ở đó và cảm thấy như cá mắc cạn.  
Mary: Ồ, tôi rất tiếc khi nghe điều đó.  
2.  
Khách: Xin lỗi.  
Nhân viên khách sạn: Vâng thưa cô. Máy điều hòa có hoạt động tốt không?  
Khách: Có. Cảm ơn sự giúp đỡ của bạn, trước đó. Tôi đang tự hỏi liệu bạn có biết nơi nào có thể giặt áo khoác cho tôi không.  
Nhân viên khách sạn: Ở đây có thể giặt và ủi quần áo. Cứ đưa chúng cho tôi. Nếu bạn cần giặt khô, có một tiệm giặt khô ngay cuối đường. Rẽ trái khi bạn ra khỏi khách sạn. Nó ở góc đường.  
Khách: Tuyệt vời, cảm ơn. Chiếc áo khoác này phải được giặt khô.  
3.  
Anna: Bạn có biết tương lai bạn muốn làm công việc gì không, Jeff?  
Jeff: Tôi muốn trở thành kiến trúc sư. Còn bạn thì sao?  
Anna: Tôi đang nghĩ đến việc trở thành bác sĩ phẫu thuật. Nhưng tôi lo lắng rằng tôi sẽ không thích làm việc hàng giờ đồng hồ.  
Jeff: Đúng vậy, đó là một công việc khó khăn và bạn cần phải thực sự có động lực.  
4.  
Lisa: Này Emma, bạn đã đến Campuchia rồi phải không?  
Ema: Đúng vậy. Bạn sẽ đi du lịch tới đó à?  
Lisa: Ừ, tháng sau. Có điều gì tôi nên biết không?  
Emma: Hãy mang theo tiền mặt vì hầu hết các nơi không chấp nhận thẻ tín dụng.  
Lisa: Ở đó có an toàn không?  
Ema: Có. Nói chung là an toàn, nhưng giống như nhiều nơi khác, ai đó có thể giật túi xách hoặc đồ trang sức của bạn. Vì vậy đừng đeo đồ trang sức đắt tiền.  
Lisa: Cảm ơn.  
5.  
Linda: Xin chào, Peter. Ồ, bạn có một chiếc đồng hồ mới.  
Peter: Chào Linda. Bố mẹ tôi đã mua nó cho tôi.  
Linda: Tuyệt. Đó có phải là quà sinh nhật của bạn không?  
Peter: Không. Họ đã mua nó khi chúng tôi vừa đi mua sắm ở trung tâm thương mại vào tuần trước. Tôi đã rất ngạc nhiên.  
Linda: Bạn thật may mắn.  
Linda: Tôi nghĩ đó là vì anh trai tôi hơi chán nản và bố mẹ tôi muốn động viên anh ấy. Họ đã mua cho anh ấy chiếc đồng hồ anh ấy yêu thích và cũng mua cho tôi một chiếc.  
  
**Reading (trang 37 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**Five sentences have been removed from the text below. For each question, choose the best one (A-H) to fill in the blank (1-5). There are three extra sentences which you do not need to use.** (Năm câu đã bị xóa khỏi văn bản dưới đây. Đối với mỗi câu hỏi, hãy chọn câu trả lời đúng nhất (A-H) để điền vào chỗ trống (1-5). Có ba câu thừa mà bạn không cần phải sử dụng.)  
**Three Important Skills that Make a Good Counselor**  
If you want to be a good counselor, it is important to practice and develop the skills below.  
(1) \_\_\_\_\_\_. People will talk to you about many difficult issues. You need to actively listen to them to understand their problems. (2) \_\_\_\_\_\_. This will encourage people to share their thoughts and emotions with you.  
Good counselors also need to have good problem-solving skills. (3) \_\_\_\_\_\_. You need to understand their problems and find suitable solutions. And one solution may work for one person but not for another. (4) \_\_\_\_\_\_.  
Finally, good counselors need to be organized. (5) \_\_\_\_\_\_. Being organized will also help you remember past conversations and know when to change your method.  
All in all these skills will allow you to become a good counselor.  
**A.** So, you need to use different methods and adapt when necessary.  
**B.** Counselors need to be good listeners.  
**C.** A counselor needs to know the law well.  
**D.** You will work with many people who have different problems.  
**E.** Counselors are one of the few jobs that have the ability to change people's lives.  
**F.** You need to arrange appointments with many people.  
**G.** It is also important to be patient and allow people to talk freely.  
**H.** Knowing when to get extra help is also important.  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. B  
  
  
2. G  
  
  
3. D  
  
  
4. A  
  
  
5. F  
  
  
  
  
**Three Important Skills that Make a Good Counselor**  
If you want to be a good counselor, it is important to practice and develop the skills below.  
Counselors need to be good listeners. People will talk to you about many difficult issues. You need to actively listen to them to understand their problems. It is also important to be patient and allow people to talk freely. This will encourage people to share their thoughts and emotions with you.  
Good counselors also need to have good problem-solving skills. You will work with many people who have different problems. You need to understand their problems and find suitable solutions. And one solution may work for one person but not for another. So, you need to use different methods and adapt when necessary.  
Finally, good counselors need to be organized. You need to arrange appointments with many people. Being organized will also help you remember past conversations and know when to change your method.  
All in all these skills will allow you to become a good counselor.  
**Hướng dẫn dịch:**  
**Ba kỹ năng quan trọng tạo nên một nhà** **tư vấn giỏi**  
Nếu bạn muốn trở thành một nhà tư vấn giỏi, điều quan trọng là bạn phải rèn luyện và phát triển những kỹ năng dưới đây.  
Nhà tư vấn cần phải là người biết lắng nghe. Mọi người sẽ nói chuyện với bạn về nhiều vấn đề khó khăn. Bạn cần tích cực lắng nghe để hiểu vấn đề của họ. Điều quan trọng nữa là phải kiên nhẫn và cho phép mọi người nói chuyện thoải mái. Điều này sẽ khuyến khích mọi người chia sẻ suy nghĩ và cảm xúc của họ với bạn.  
Người tư vấn giỏi cũng cần có kỹ năng giải quyết vấn đề tốt. Bạn sẽ làm việc với nhiều người có những vấn đề khác nhau. Bạn cần hiểu vấn đề của họ và tìm giải pháp phù hợp. Và một giải pháp có thể hiệu quả với người này nhưng lại không hiệu quả với người khác. Vì vậy, bạn cần sử dụng các phương pháp khác nhau và điều chỉnh khi cần thiết.  
Cuối cùng, những nhà tư vấn giỏi cần phải có tính tổ chức. Bạn cần sắp xếp các cuộc hẹn với nhiều người. Có tổ chức cũng sẽ giúp bạn nhớ lại những cuộc trò chuyện trước đây và biết khi nào cần thay đổi phương pháp của mình.  
Nhìn chung, những kỹ năng này sẽ cho phép bạn trở thành nhà tư vấn giỏi.  
  
**Vocabulary (phần a->b trang 37-38 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Match the words with the descriptions. There are two extra words which you do not need to use.** (Nối các từ với các mô tả. Có hai từ thừa mà bạn không cần phải sử dụng.)  
  
  
  
  
  
discreet operate react complimentary currency  
  
  
  
  
  
1. use or control a machine: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
2. given for free: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
3. careful in what you say or do: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
**Đáp án:**  
1. use or control a machine:   
2. given for free:   
3. careful in what you say or do:   
**Hướng dẫn dịch:**  
1. sử dụng hoặc điều khiển máy: vận hành  
2. được cho miễn phí: miễn phí  
3. cẩn thận với những điều mình nói hoặc làm: thận trọng  
- react (v): phản ứng  
- currency (n): tiền tệ  
**b. Fill in the blanks using the words in the box. There are two extra words which you do not need to use.** (Điền vào chỗ trống bằng cách sử dụng các từ trong khung. Có hai từ thừa mà bạn không cần phải sử dụng.)  
  
  
  
  
  
lawyer confident pick up spot organized  
  
  
  
  
  
1. Make sure to visit one of the many cafés along the river and find a good \_\_\_\_\_\_\_\_ to watch the sunset.  
2. He's \_\_\_\_\_\_\_\_ that he'll become the best architect in only three years.  
3. One of the best ways to \_\_\_\_\_\_\_\_ new skills is by watching and learning from an expert.  
**Đáp án:**  
1. Make sure to visit one of the many cafés along the river and find a good to watch the sunset.  
2. He's that he'll become the best architect in only three years.  
3. One of the best ways to new skills is by watching and learning from an expert.  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Hãy nhớ ghé thăm một trong những quán cà phê dọc bờ sông và tìm một địa điểm lý tưởng để ngắm hoàng hôn.  
2. Anh ấy tự tin rằng mình sẽ trở thành kiến trúc sư giỏi nhất chỉ sau ba năm nữa.  
3. Một trong những cách tốt nhất để học các kỹ năng mới là quan sát và học hỏi từ một chuyên gia.  
- lawyer (n): luật sư  
- organized (adj): có tổ chức  
  
**Vocabulary (phần a->b trang 38 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Fill in the blanks with the correct verb form.** (Điền vào chỗ trống với dạng động từ đúng.)  
1. While he \_\_\_\_\_\_\_\_ (take) photos, someone \_\_\_\_\_\_\_\_ (snatch) his camera.  
2. They aren't millionaires, but they spent money on their vacation as if they \_\_\_\_\_\_\_\_ (be) rich.  
3. Make sure you check in with your friends and family when \_\_\_\_\_\_\_\_ (travel) alone.  
**Đáp án:**  
1. While he photos, someone his camera.  
2. They aren't millionaires, but they spent money on their vacation as if they rich.  
3. Make sure you check in with your friends and family when alone.  
**Giải thích:**  
1. Một hành động đang diễn ra trong quá khứ thì có một hành động khác xen vào.  
While + V (quá khứ tiếp diễn) + O, S + V (quá khứ đơn) + O.  
2. S + V-s/es + as if + S + V-ed/V2: dùng với các tình huống giả định (không đúng, không có khả năng xảy ra ở hiện tại hoặc quá khứ).  
3. when + V-ing: khi đang làm gì  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Khi anh ấy đang chụp ảnh thì có ai đó đã giật lấy máy ảnh của anh ấy.  
2. Họ không phải là triệu phú nhưng họ tiêu tiền vào kỳ nghỉ như thể họ giàu có.  
3. Hãy chắc chắn rằng bạn liên lạc với bạn bè và gia đình khi đi du lịch một mình.  
**b. Fill in the blanks with the correct prepositions.** (Điền vào chỗ trống những giới từ đúng.)  
1. It's important to know \_\_\_\_\_\_\_\_ the local laws before visiting a place.  
2. The most important skill to develop is being able to adapt \_\_\_\_\_\_\_\_ different situations.  
3. I'm trying to think \_\_\_\_\_\_\_\_ a better way to solve the problem.  
**Đáp án:**  
1. It's important to know the local laws before visiting a place.  
2. The most important skill to develop is being able to adapt different situations.  
3. I'm trying to think a better way to solve the problem.  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Điều quan trọng là phải biết về luật pháp địa phương trước khi đến thăm một địa điểm.  
2. Kỹ năng quan trọng nhất cần phát triển là khả năng thích ứng với các tình huống khác nhau.  
3. Tôi đang cố gắng nghĩ ra cách tốt hơn để giải quyết vấn đề.  
  
**Pronunciation (phần a->b trang 38 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Circle the word that differs from the other three in the position of primary stress in each of the following questions.** (Khoanh tròn từ khác với ba từ còn lại ở vị trí trọng âm chính trong mỗi câu hỏi sau.)  
1. A. mechanic B. insurance C. salary D. accountant  
2. A. complimentary B. hilarious C. experience D. receptionist  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. C  
  
  
2. A  
  
  
  
  
**Giải thích:**  
1.  
A. mechanic /məˈkæn.ɪk/ (n): thợ cơ khí  
B. insurance /ɪnˈʃʊə.rəns/ (n): bảo hiểm  
C. salary /ˈsæl.ər.i/ (n): lương  
D. accountant /əˈkaʊn.tənt/ (n): kế toán   
Đáp án C có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất, còn lại trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2.  
Chọn C.  
2.  
A. complimentary /ˌkɒm.plɪˈmen.tər.i/ (adj): miễn phí   
B. hilarious /hɪˈleə.ri.əs/ (adj): vui vẻ, vui nhộn   
C. experience /ɪkˈspɪə.ri.əns/ (n): kinh nghiệm   
D. receptionist /rɪˈsep.ʃən.ɪst/ (n): lễ tân  
Đáp án A có trọng âm rơi vào âm tiết thứ 3, còn lại trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2.  
Chọn A.  
**b. Circle the word that has the underlined part pronounced differently from the others.** (Khoanh tròn từ có phần gạch chân phát âm khác với những từ còn lại.)   
1. A. ounselor B. acountant C. urrency D. electriian  
2. A. urgeon B. depresed C. expoe D. afe  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. D  
  
  
2. C  
  
  
  
  
**Giải thích:**  
1.  
A. ounselor /ˈkaʊnsələ(r)/ (n): người cố vấn/tư vấn  
B. acountant /əˈkaʊntənt/ (n): kế toán  
C. urrency /ˈkʌrənsi/ (n): tiền tệ  
D. electriian /ɪˌlekˈtrɪʃn/ (n): thợ điện  
Đáp án D có phần gạch chân được phát âm là /ʃ/, các đáp án phần gạch chân được phát âm là /k/.  
Chọn D.  
2.   
A. urgeon /ˈsɜːdʒən/ (n): bác sĩ phẫu thuật  
B. depresed /dɪˈprest/ (adj): chán nản  
C. expoe /ɪkˈspəʊz/ (v): vạch trần  
D. afe /seɪf/ (adj): an toàn  
Đáp án C có phần gạch chân được phát âm là /z/, các đáp án phần gạch chân được phát âm là /s/.  
Chọn C.  
  
**Speaking (phần a->c trang 38 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. In groups of 2-4: Choose a place in your country and talk about things tourists should know. Talk about:** (Theo nhóm 2-4: Chọn một địa điểm ở đất nước của bạn và nói về những điều du khách nên biết. Nói về:)  
• What tourists should know before visiting (Những điều du khách nên biết trước khi tham quan)  
• What they should or shouldn't do during their time there (Họ nên làm gì và không nên làm gì trong thời gian ở đó)  
• Places to visit and things to do (Địa điểm tham quan và việc cần làm)  
**Gợi ý:**  
A: What should tourists know before visiting Vietnam?  
B: First, depending on your nationality, you may need to obtain a visa before entering Vietnam. Make sure to check the visa requirements well in advance and apply accordingly. Second, Vietnam experiences a diverse climate across different regions. Research the weather conditions of the specific areas you plan to visit and pack accordingly. Be prepared for high humidity, especially during the rainy season. Third, Vietnam has a rich cultural heritage, and it's important to respect local customs and traditions. Dress modestly when visiting temples or religious sites, and remove your shoes before entering someone's home. Next, the official currency of Vietnam is the Vietnamese Dong (VND). While major cities and tourist areas may accept credit cards, it's advisable to carry cash, especially when visiting rural areas or local markets. Last, bargaining is common in Vietnamese markets and street stalls. Practice your negotiation skills and be prepared to haggle for goods and services.  
A: What should or shouldn't they do during their time there?  
B: You know, Vietnam is renowned for its delicious cuisine, so be sure to try traditional dishes like pho, banh mi, and spring rolls. Don't be afraid to explore street food stalls for an authentic culinary experience. Moreover, take the time to interact with locals and learn about their way of life. Vietnamese people are known for their warmth and hospitality, so don't hesitate to strike up a conversation and immerse yourself in the local culture. Besides, help preserve Vietnam's natural environment by minimizing your ecological footprint. Dispose of waste responsibly, avoid single-use plastics, and support eco-friendly tourism initiatives.  
A: Can you introduce some places to visit and things to do?  
B: Vietnam is a beautiful and diverse country with a rich cultural heritage, stunning natural landscapes, and vibrant cities. The first place you should visit is Ha Long Bay. You can explore the breathtaking scenery of Halong Bay, known for its emerald waters, towering limestone islands, and picturesque caves by taking a boat cruise to admire the stunning karst formations and enjoy activities like kayaking and swimming. The second place is Hoi An. You should wander through the ancient town of Hoi An, a UNESCO World Heritage site famous for its well-preserved architecture, lantern-lit streets, and colorful riverside markets. Don't miss the chance to sample local delicacies at Hoi An's renowned food stalls and restaurants.  
**Hướng dẫn dịch:**  
A: Du khách nên biết điều gì trước khi đến thăm Việt Nam?  
B: Đầu tiên, tùy thuộc vào quốc tịch của bạn, bạn có thể cần phải xin thị thực trước khi vào Việt Nam. Hãy chắc chắn kiểm tra kỹ các yêu cầu thị thực trước và áp dụng cho phù hợp. Thứ hai, Việt Nam có khí hậu đa dạng ở nhiều vùng khác nhau. Nghiên cứu điều kiện thời tiết của các khu vực cụ thể mà bạn dự định ghé thăm và chuẩn bị hành lý phù hợp. Hãy chuẩn bị cho độ ẩm cao, đặc biệt là trong mùa mưa. Thứ ba, Việt Nam có di sản văn hóa phong phú và điều quan trọng là phải tôn trọng phong tục, truyền thống địa phương. Ăn mặc lịch sự khi đến thăm các đền chùa hoặc địa điểm tôn giáo và cởi giày trước khi vào nhà ai đó. Tiếp theo, đồng tiền chính thức của Việt Nam là Đồng Việt Nam (đồng). Mặc dù các thành phố lớn và khu du lịch có thể chấp nhận thẻ tín dụng nhưng bạn nên mang theo tiền mặt, đặc biệt khi đến thăm các vùng nông thôn hoặc chợ địa phương. Cuối cùng, việc mặc cả là điều phổ biến ở các chợ và quán ven đường ở Việt Nam. Hãy rèn luyện kỹ năng đàm phán của bạn và sẵn sàng mặc cả hàng hóa và dịch vụ.  
A: Họ nên làm gì hoặc không nên làm gì trong thời gian ở đó?  
B: Bạn biết đấy, Việt Nam nổi tiếng với ẩm thực ngon, vì vậy hãy nhớ thử các món ăn truyền thống như phở, bánh mì và chả giò. Đừng ngại khám phá các quán ăn đường phố để có trải nghiệm ẩm thực đích thực. Hơn nữa, hãy dành thời gian để tương tác với người dân địa phương và tìm hiểu về lối sống của họ. Người Việt Nam nổi tiếng với sự nồng hậu và hiếu khách, vì vậy đừng ngần ngại bắt chuyện và hòa mình vào văn hóa địa phương. Ngoài ra, hãy giúp bảo tồn môi trường tự nhiên của Việt Nam bằng cách giảm thiểu dấu chân sinh thái của bạn. Xử lý rác thải một cách có trách nhiệm, tránh sử dụng đồ nhựa dùng một lần và ủng hộ các sáng kiến du lịch thân thiện với môi trường.  
A: Bạn có thể giới thiệu một số địa điểm tham quan và những việc cần làm không?  
B: Việt Nam là một đất nước xinh đẹp và đa dạng với di sản văn hóa phong phú, cảnh quan thiên nhiên tuyệt đẹp và các thành phố sôi động. Nơi đầu tiên bạn nên ghé thăm đó chính là Vịnh Hạ Long. Bạn có thể khám phá khung cảnh ngoạn mục của Vịnh Hạ Long, nổi tiếng với làn nước ngọc lục bảo, những hòn đảo đá vôi cao chót vót và những hang động đẹp như tranh vẽ bằng cách đi thuyền để chiêm ngưỡng các thành tạo núi đá vôi tuyệt đẹp và tận hưởng các hoạt động như chèo thuyền kayak và bơi lội. Địa điểm thứ hai là Hội An. Bạn nên lang thang qua phố cổ Hội An, Di sản Thế giới được UNESCO công nhận, nổi tiếng với kiến trúc được bảo tồn tốt, những con phố được thắp sáng bằng đèn lồng và những khu chợ ven sông đầy màu sắc. Đừng bỏ lỡ cơ hội nếm thử các món ngon địa phương tại các quán ăn và nhà hàng nổi tiếng của Hội An.  
**b. Discuss and choose the five most important things tourists should know.** (Thảo luận và chọn năm điều quan trọng nhất mà du khách nên biết.)  
**Gợi ý:**  
- First, depending on your nationality, you have to check the visa requirements well in advance and apply accordingly in order to avoid any issues upon arrival.  
- Second, Vietnam has a rich cultural heritage, and it's important to respect local customs and traditions. Dress modestly when visiting temples or religious sites, remove your shoes before entering someone's home, and be mindful of local etiquette.  
- Third, ensure you have adequate travel insurance that covers medical emergencies. Consider vaccinations and consult with your doctor before traveling. Be cautious of street food vendors and drink bottled water to avoid foodborne illnesses. Additionally, practice caution when crossing the streets, especially in busy cities.  
- Next, the official currency of Vietnam is the Vietnamese Dong (VND). While major cities and tourist areas may accept credit cards, it's advisable to carry cash, especially when visiting rural areas or local markets. Familiarize yourself with the exchange rate and have small denominations for convenience.  
- Last, Vietnam offers a variety of transportation options, including buses, trains, taxis, and motorbikes. Research the most convenient and safe modes of transportation for your itinerary. Be cautious when hiring motorbike taxis (xe om) and negotiate fares in advance. Additionally, consider using reputable ride-hailing apps for convenience and safety.  
**Hướng dẫn dịch:**  
- Đầu tiên, tùy thuộc vào quốc tịch của bạn, bạn có thể cần phải xin thị thực trước khi vào Việt Nam. Hãy đảm bảo kiểm tra kỹ các yêu cầu về thị thực trước và nộp đơn phù hợp để tránh mọi vấn đề khi đến nơi.  
- Thứ hai, Việt Nam có di sản văn hóa phong phú, điều quan trọng là phải tôn trọng phong tục, tập quán địa phương. Ăn mặc lịch sự khi đến thăm các đền chùa hoặc địa điểm tôn giáo, cởi giày trước khi vào nhà ai đó và lưu ý đến nghi thức địa phương.  
- Thứ ba, đảm bảo bạn có đủ bảo hiểm du lịch để chi trả cho các trường hợp khẩn cấp về y tế. Hãy cân nhắc việc tiêm phòng và tham khảo ý kiến bác sĩ trước khi đi du lịch. Hãy thận trọng với những người bán thức ăn đường phố và uống nước đóng chai để tránh các bệnh do thực phẩm gây ra. Ngoài ra, hãy thận trọng khi băng qua đường, đặc biệt là ở các thành phố đông đúc.  
- Tiếp theo, đồng tiền chính thức của Việt Nam là Đồng Việt Nam (đồng). Mặc dù các thành phố lớn và khu du lịch có thể chấp nhận thẻ tín dụng nhưng bạn nên mang theo tiền mặt, đặc biệt khi đến thăm các vùng nông thôn hoặc chợ địa phương. Làm quen với tỷ giá hối đoái và có mệnh giá nhỏ để thuận tiện.  
- Cuối cùng, Việt Nam cung cấp nhiều lựa chọn giao thông đa dạng, bao gồm xe buýt, tàu hỏa, taxi và xe máy. Hãy nghiên cứu các phương thức di chuyển thuận tiện và an toàn nhất cho hành trình của bạn. Hãy thận trọng khi thuê xe ôm và thương lượng giá xe trước. Ngoài ra, hãy cân nhắc sử dụng các ứng dụng gọi xe uy tín để thuận tiện và an toàn.  
**c. Tell another group about your advice.** (Nói với nhóm khác về lời khuyên của bạn.)  
(Học sinh tự thực hành.)  
  
**Writing (phần a->c trang 38 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. In pairs: Check one of your partner's final writing passages for Units 1-3 using Feedback forms from the lessons.** (Theo cặp: Kiểm tra một trong những đoạn viết cuối cùng của bạn mình cho Bài 1-3 bằng cách sử dụng biểu mẫu Phản hồi/Nhận xét từ các bài học.)  
(Học sinh tự thực hành.)  
**b. Make a list of things you need to remember for your future writing.** (Lập danh sách những điều bạn cần ghi nhớ cho bài viết sau này của mình.)  
(Học sinh tự thực hành.)  
**c. Compare your list with another group and add anything you think is useful.** (So sánh danh sách của bạn với một nhóm khác và thêm bất cứ điều gì bạn cho là hữu ích.)  
**Xem thêm các bài giải SGK Tiếng Anh 12 sách ILearn Smart World hay, chi tiết khác:**  
Unit 4: Graduation and Choosing a Career  
Unit 5: Lifelong Learning  
Review 2  
Unit 6: Cultural Diversity  
Unit 7: Urbanization